

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **294/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/8/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam – Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Phó chủ tịch hội

Liên hiệp phụ nữ thành phố BH.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1046/2020/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu A**; Sinh năm: 1992.

HKTT: Tổ 3, khu phố RC, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Nhà không số, tổ 21A, khu phố TM 2, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức Th**; Sinh năm: 1987.

HKTT: Tổ 3, khu phố RC, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Nhà không số, tổ 21A, khu phố TM 2, phường PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A, anh Th có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức Th tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Tre, thị xã LK (nay là thành phố LK), tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau

một thời gian. Tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Th không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, chửi bới xúc phạm chị, vay tiền của xã hội đen không có tiền trả và liên tục ép chị vay tiền trả nợ. Mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay vẫn không giải quyết được. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh, sinh ngày 10/12/2014. Ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh, tạm thời không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

- **Theo bản tự khai, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Tre, thị xã LK (nay là thành phố LK), tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống có mâu thuẫn do anh có nhậu nhẹt nhưng không thường xuyên, có tham gia cờ bạc nhưng không gây nợ nần như Chị A trình bày. Quá trình hòa giải anh không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Th xác định có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh, sinh ngày 10/12/2014. Anh xin được quyền nuôi cháu Nh và không yêu cầu Chị A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Trần Thị Thu A, cho chị Trần Thị Thu A được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th. Giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh, sinh ngày 10/12/2014 cho Chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị A không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị Trần Thị Thu A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Thu A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Trần Thị Thu A là nguyên đơn, anh Nguyễn Đức Th là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 26/5/2023 Công an phường PT cung cấp: Anh Nguyễn Đức Th hiện đang cư trú và sinh sống tại thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng cho Chị A, anh Thanh. Chị A, anh Th có mặt tại phiên tòa căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu A, HĐXX xét thấy: Chị Trần Thị Thu A và anh Nguyễn Đức Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Tre, thị xã LK (nay là thành phố LK), tỉnh Đồng Nai. Được Ủy ban nhân dân xã Suối Tre, thị xã LK (nay là thành phố LK), tỉnh Đồng Nai cấp giấy kết hôn số 26/2014 quyền 01/2013 vào ngày 08/4/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Th không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, chửi bới xúc phạm chị, vay tiền của xã hội đen không có tiền trả và liên tục ép chị vay tiền trả nợ. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Xét yêu cầu ly hôn của Chị A là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố BH ngày 09/6/2023 cung cấp như sau: Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, địa phương có biết. Nguyên nhân do anh Th anh chơi cờ bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa Chị A, anh Th là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải và tại phiên tòa Chị A vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh Th nữa. Tại phiên tòa anh Th cũng đồng ý ly hôn với Chị A. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Trần Thị Thu A được ly hôn với ông Nguyễn Đức Th.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị Thu A và anh Nguyễn Đức Th xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh, sinh ngày 10/12/2014. Ly hôn Chị A xin được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh, tạm thời không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Th cũng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh và không yêu cầu Chị A cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con: Căn cứ vào lời khai, phiếu thanh toán tiền lương, bản sao kê lương, phụ lục hợp đồng lao động thì Chị A và anh Th hiện nay đều làm việc tại thành phố BH, có công việc và mức lương ổn định. Nhưng anh Th thì làm nghề tài xế lái xe thời gian làm việc không ổn định, Chị A thì làm việc hành chính. Tại Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường PT cung cấp hiện nay cháu Nh đang sinh sống với Chị A, hầu như Chị A chăm sóc do anh Th hay vắng nhà.

Như vậy, xét về điều kiện kinh tế thì Chị A và anh Th tương đồng nhau nhưng xét về nơi ở và thời gian chăm sóc con thì Chị A chủ động hơn. Tại bản tự khai ngày 15/6/2023 cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh trình này là ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Nh là hoàn toàn chính đáng, cháu là con gái đang tuổi dậy thì và phát triển tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị A, giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh, sinh ngày 10/12/2014 cho Chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị A không yêu cầu.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không xem xét, giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Chị A phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; ý kiến anh Th về quan hệ hôn nhân và việc nuôi con không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức Th không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu A, cho chị Trần Thị Thu A được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Thảo Nh, sinh ngày 10/12/2014 cho chị Trần Thị Thu A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Nguyễn Đức Th không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị A không yêu cầu.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu A phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 007347 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH. Chị A đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức Th không phải nộp án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. BH;
- THA dân sự ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

